

# IFRS 02 “GIAO DỊCH THANH TOÁN DỰA TRÊN CỔ PHIẾU” VÀ KHẢ NĂNG ÁP DỤNG TRONG KẾ TOÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU CHO NHÂN VIÊN Ở VIỆT NAM

ThS. NGUYỄN THỊ THANH LOAN\*

**T**rên thế giới, việc phát hành cổ phiếu cho nhân viên đã trở thành một công cụ quan trọng trong chính sách đãi ngộ mà doanh nghiệp dành cho các nhà quản lý cấp cao và người lao động. Tại Việt Nam, khoảng 10 năm trở lại đây, hoạt động này cũng càng ngày càng trở nên phổ biến và có xu hướng gia tăng. Vấn đề đặt ra trong xu hướng hội nhập kế toán quốc tế là các doanh nghiệp nên kế toán hoạt động phát hành cổ phiếu này như thế nào? Thông qua việc phân tích quy định của chuẩn mực kế toán quốc tế IFRS 02 “Giao dịch thanh toán dựa trên cổ phiếu” và thực trạng kế toán phát hành cổ phiếu cho nhân viên tại Việt Nam, đồng thời phân tích các đặc điểm của việc phát hành cổ phiếu cho nhân viên tại Việt Nam, bài viết đã chỉ ra rằng việc áp dụng IFRS 02 trong kế toán phát hành cổ phiếu cho nhân viên tại Việt Nam là hoàn toàn khả thi và nên được tiến hành sớm.

**Từ khóa:** Giao dịch thanh toán dựa trên cổ phiếu, kế toán phát hành cổ phiếu cho nhân viên, phát hành cổ phiếu cho nhân viên.

**IFRS 02 “Share-based Payment Transaction” and the possibility of applying in accounting for issuing shares to employees in Vietnam**

The issue of employee stock has become an important tool in the corporate compensation policy for senior managers and employees worldwide. In Vietnam, for the past 10 years, this activity has also become increasingly popular and tends to increase. The issue in the trend of international accounting integration is how businesses should account for the issuance of this stock? By analyzing the provisions of IFRS 02 “Share-based Payment Transaction” and the accounting status of issuing shares to employees in Vietnam, and analyzing the characteristics of the issuance of shares to employees in Vietnam, the article points out that the application of IFRS 02 in the accounting of issuing shares to employees in Vietnam is entirely feasible and should be conducted soon.

**Key words:** Stock-based payment, stock-issuing, employee stock issuance.

## 1. Kế toán phát hành cổ phiếu cho nhân viên tại Việt Nam

Hiện nay, tại Việt Nam chưa có một chuẩn mực kế toán hoặc văn bản pháp lý nào hướng dẫn kế toán phát hành cổ phiếu cho nhân viên.

Chỉ duy nhất có hai điều luật chính điều chỉnh hoạt động phát hành cổ phiếu cho nhân viên tại Việt Nam là Điều 35 và Điều 36 trong Thông tư 162/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính. Điều 35 đề cập tới “Điều kiện phát hành cổ phiếu theo chương

trình lựa chọn cho người lao động trong công ty”. Điều 36 đề cập tới “Tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty”. Trong đó Điều 35 yêu cầu “công ty phải có đủ nguồn vốn thực hiện căn cứ báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán từ các nguồn sau đây:

- a) Thặng dư vốn;
- b) Quỹ đầu tư phát triển;

\* Khoa Kế toán - Kiểm toán, Đại học Ngoại thương



c) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối;

d) Quỹ khác (nếu có) được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật”. Và Điều 36 quy định Tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động gồm “Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua tiêu chuẩn và danh sách người lao động được tham gia chương trình, nguyên tắc xác định giá bán, nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng và thời gian thực hiện”.

Từ quy định pháp lý như vậy có thể thấy 2 hình thức phát hành cổ phiếu cho nhân viên mà luật pháp Việt Nam hiện thừa nhận là: phát hành quyền chọn và phát hành cổ phiếu thưởng. Và cũng chính quy định này dẫn đến thực trạng khi phát hành quyền chọn hay cổ phiếu thưởng cho nhân viên, doanh nghiệp thường hạch toán như một nghiệp vụ phát hành cổ phiếu thông thường.

*Ví dụ 1:* Công ty cổ phần dịch vụ và xây dựng địa ốc đất xanh (DXG) phát hành 3.000.000 cổ phần phổ thông từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để thưởng cho cán bộ công nhân viên. Số cổ phần này bị hạn chế chuyển nhượng 3 năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành.

Theo đó, công ty hạch toán việc phát hành số cổ phiếu thưởng này như sau:

Nợ TK Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 30.000.000.000 VNĐ

Có TK Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 30.000.000.000 VNĐ

*Ví dụ 2:* Công ty cổ phần dầu thực vật Tường An (TAC) phát hành 1.613.316 cổ phiếu với giá 27.000 đồng/cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động. Số cổ phần này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.

Tháng 9/2017 Công ty hoàn thành việc thu tiền từ nhân viên tham gia chương trình, khi đó, công ty hạch toán:

Nợ TK Tiền gửi ngân hàng: 43.559.532.000 VNĐ

Có TK Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 16.133.160.000 VNĐ

Có TK Thặng dư vốn cổ phần: 27.426.372.000 VNĐ

Chi phí phát hành cổ phần:

Nợ TK Thặng dư vốn cổ phần: 120.055.000 VNĐ

Có TK Tiền gửi ngân hàng: 120.055.000 VNĐ

## 2. Kế toán phát hành cổ phiếu cho nhân viên theo IFRS 02

### 2.1. Phạm vi của IFRS 02

Chuẩn mực này đưa ra yêu cầu về kế toán các giao dịch mà trong đó doanh nghiệp mua hàng hóa, dịch vụ từ đối tác (có thể là nhà cung cấp hoặc nhân viên) và trả bằng công cụ vốn (cổ phần) của doanh nghiệp mình. Giao dịch này còn gọi là giao dịch thanh toán dựa trên cổ phiếu và bao gồm 3 nhóm như sau:

- *Nhóm 1:* Giao dịch thanh toán dựa trên cổ phiếu tất toán bằng công cụ vốn (Equity -settled share-based payment transaction). Trong nhóm giao dịch này, công ty nhận hàng hóa hoặc dịch vụ và trả bằng công cụ vốn (cổ phiếu hoặc quyền chọn mua cổ phiếu) của công ty mình.

- *Nhóm 2:* Giao dịch thanh toán dựa trên cổ phiếu tất toán bằng tiền (Cash -settled share-based payment transaction). Trong nhóm giao dịch này, khi nhận hàng hóa, dịch vụ, giá trị khoản nợ của công ty với người cung cấp hàng hóa, dịch vụ được xác định dựa trên giá các công cụ vốn của công ty.

- *Nhóm 3:* Giao dịch thanh toán dựa trên cổ phiếu có thể lựa chọn tất toán bằng tiền hoặc công cụ vốn). Tương tự như 2 nhóm giao dịch trên nhưng việc thanh toán có thể thực hiện bằng tiền hoặc công cụ vốn.

Như vậy, IFRS 02 không chỉ điều chỉnh những giao dịch thanh toán dựa trên cổ phiếu giữa doanh nghiệp và nhân viên, mà còn có thể là giao dịch giữa doanh nghiệp với đối tác khác.

### 2.2. Nội dung của IFRS 02 về kế toán phát hành cổ phiếu cho nhân viên

Do phát hành cổ phiếu cho nhân viên tại Việt Nam chủ yếu được tiến hành dưới hình thức quyền chọn và cổ phiếu thưởng (là các giao dịch nhóm 1) cho nên bài viết cũng tập trung vào các quy định của IFRS 02 về kế toán giao dịch thanh toán dựa trên cổ phiếu và tất toán bằng công cụ vốn. Cụ thể như sau:

- *Về ghi nhận:*

Công ty phải ghi nhận hàng hóa hoặc dịch vụ nhận được từ giao dịch thanh toán dựa trên cổ phiếu khi công ty nhận được hàng hóa hay dịch vụ đó. Hàng hóa hoặc dịch vụ nhận được trong giao dịch thanh toán dựa trên cổ phiếu phải được ghi nhận là chi phí của doanh nghiệp trừ khi chúng đủ tiêu chuẩn ghi nhận là tài sản.

Nếu hàng hóa dịch vụ nhận được trong trường hợp giao dịch được tất toán bằng công cụ vốn thì công ty phải ghi nhận một khoản tăng tương ứng trong vốn chủ sở hữu.

- *Về đo lường*

Công ty phải sử dụng giá trị hợp lý của hàng hóa, dịch vụ nhận được để ghi nhận hàng hóa, dịch vụ nhận về, đối ứng với sự gia tăng trong vốn chủ sở hữu.

Nếu giá trị của hàng hóa, dịch vụ nhận được không được đo lường một cách đáng tin cậy thì doanh nghiệp ghi nhận theo giá trị hợp lý của công cụ vốn được phát hành.

Khi cổ phiếu, quyền chọn hoặc các công cụ vốn khác được phát hành cho nhân viên như một phần của đãi ngộ, thông thường sẽ không thể xác định được giá trị hợp lý của dịch vụ nhận về. Vì vậy, công ty sẽ tham chiếu tới giá trị hợp lý của công cụ vốn được phát hành. GTHL của các công cụ vốn này được xác định tại ngày phát hành và không thay đổi trong suốt thời gian chuyển quyền sau đó.

- *Về phân bổ chi phí khi nhận dịch vụ từ đối tác (ở đây là nhân viên)*

Khi công cụ vốn được phát hành, chúng có thể được trao quyền ngay lập tức, nhưng thông thường là bên đối tác sẽ phải hoàn thành một số điều kiện trước khi được trao quyền. Ví dụ như nhân viên phải làm việc đủ 3 năm trước khi được trao quyền. Do vậy sẽ dẫn tới 2 trường hợp:

Nếu công cụ vốn đã phát hành được trao quyền ngay mà không có điều kiện gì thì coi như dịch vụ đã hoàn thành. Doanh nghiệp phải ghi nhận toàn bộ chi phí phát sinh đối ứng với sự gia tăng vốn chủ sở hữu tại ngày công cụ vốn được phát hành.

Nếu công cụ vốn đã phát hành không được trao

quyền cho đến hết 1 thời gian xác định thì doanh nghiệp phải coi như dịch vụ được thực hiện trong suốt thời kỳ trao quyền, từ đó ước lượng chi phí lương tương ứng. Ví dụ: nếu một nhân viên chỉ mới cung cấp dịch vụ trong khoảng thời gian là 1/3 kì chuyển quyền thì chi phí lương được ghi nhận là GTHL của 1/3 lượng quyền chọn ước tính được trao quyền.

Tại ngày trao quyền, công ty phải điều chỉnh lại ước lượng bằng với số công cụ vốn thực tế được trao quyền.

Sau ngày trao quyền, công ty không điều chỉnh gì thêm liên quan tới tổng vốn chủ sở hữu. Nhưng điều này không ngăn cản việc chuyển dịch giữa các thành phần trong vốn chủ sở hữu.

*Ví dụ:* Vào ngày 1/1/20X1, công ty A phát hành

40.000 quyền chọn cho 400 nhân viên (100 quyền chọn/người). Mỗi một quyền chọn được phát hành có điều kiện là nhân viên phải còn làm việc tới ngày 31/12/X3. Giá trị hợp lý của mỗi quyền chọn là 20 USD.

Trong năm 20X1 có 20 nhân viên nghỉ việc và doanh nghiệp ước tính rằng 20% số nhân viên sẽ nghỉ việc trong khoảng thời gian 3 năm.

Trong năm 20X2 có thêm 25 nhân viên nghỉ việc và doanh nghiệp ước tính rằng 25% số nhân viên sẽ nghỉ việc trong khoảng thời gian 3 năm.

Trong năm 20X3 có thêm 10 nhân viên nghỉ việc.

Giá thực hiện quyền chọn là 1.5 USD, mệnh giá 1 USD

Như vậy, doanh nghiệp sẽ tính toán chi phí thù lao phát sinh mỗi năm như sau:

	Chi phí thù lao dồn tích tại thời điểm cuối năm (USD)	Chi phí thù lao trong năm (USD)
20X1 (40,000 * 80% * 20 * 1/3)	213.333	213.333
20X2 (40,000 * 75% * 20 * 2/3)	400,000	186.667
20X3 (34,500 * 20)	690.000	290.000

Đối với quyền chọn mua cổ phần phát hành cho nhân viên, do IFRS 02 chỉ quy định đồng thời với việc ghi nhận tài sản, dịch vụ nhận về kế toán sẽ phải ghi tăng vốn chủ sở hữu tương ứng (nếu giao dịch tất toán bằng công cụ vốn), mà không để cập tới tài khoản cụ thể trong vốn chủ sở hữu, nên các quốc gia thường ghi nhận phần vốn tăng lên này ở 1 tài khoản riêng thuộc vốn chủ sở hữu. Tài khoản này có thể có tên là: Quyền chọn chưa hết hạn cho nhân viên (ở Ấn Độ) hay Thặng dư vốn cổ phần – quyền chọn chưa hết hạn (Canada)

Và hạch toán như sau:

- Tại ngày 31/12/X1:

Nợ TK Chi phí thù lao: 213.333 USD

Có TK Vốn chủ sở hữu – quyền chọn chưa hết hạn: 213.333 USD

- Tại ngày 31/12/X2:

Nợ TK Chi phí thù lao: 186.667 USD

Có TK Vốn chủ sở hữu – quyền chọn chưa hết hạn: 186.667 USD

- Tại ngày 31/12/X3:

Nợ TK Chi phí thù lao: 290.000 USD

Có TK Vốn chủ sở hữu – quyền chọn chưa hết hạn: 290.000 USD

- Khi phát hành cổ phiếu:

Nợ TK Tiền (34.500 \* 1.5): 51.750 USD

Nợ TK Vốn chủ sở hữu – quyền chọn chưa hết hạn: 690.000 USD

Có TK Vốn góp chủ sở hữu (34.500 \* 1): 34.500 USD

Có TK Thặng dư vốn cổ phần: 707.250 USD



### 3. Thực trạng phát hành cổ phiếu cho nhân viên tại các công ty niêm yết Việt Nam

Phát hành cổ phiếu cho nhân viên đã không còn xa lạ ở Việt Nam. Nếu như năm 2006, chỉ mới có 1 công ty niêm yết công bố phát hành cổ phiếu cho nhân viên thì đến năm 2010 số công ty công bố đã tăng lên thành 153 công ty. Theo đà giảm của thị trường chứng khoán, số lượng công ty công bố thực hiện phát hành cổ phần cho nhân viên tại Việt Nam giảm trong 4 năm tiếp theo, nhưng cùng với sự khởi sắc của thị trường chứng khoán, trong 3 năm trở lại đây, số lượng công ty niêm yết công

bố chương trình có xu hướng gia tăng (năm 2015, 2016, 2017 số công ty công bố chương trình tương ứng là 68, 74 và 80 công ty).

Việc phát hành cổ phiếu cho nhân viên của các công ty niêm yết Việt Nam được tiến hành dưới hai hình thức: cổ phiếu thưởng hoặc quyền chọn mua cổ phiếu. Trong đó, hình thức quyền chọn mua cổ phiếu được sử dụng phần lớn trong các đợt phát hành (được sử dụng trong hơn 60% số đợt phát hành trong năm 2017). Điều này có thể thấy ở bảng dưới đây:

**Bảng 1: Hình thức sử dụng trong các đợt phát hành cổ phiếu cho nhân viên tại các công ty niêm yết Việt Nam năm 2015, 2016, 2017**

	2015		2016		2017	
	Công ty	Tỷ lệ	Công ty	Tỷ lệ	Công ty	Tỷ lệ
Cổ phiếu thưởng	24	35.3%	27	36.5%	25	31.3%
Quyền chọn	44	64.7%	47	63.5%	55	68.7%
<b>Tổng</b>	<b>68</b>	<b>100%</b>	<b>74</b>	<b>100%</b>	<b>80</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: Dữ liệu cung cấp bởi Stoxplus*

Quy trình cơ bản để phát hành quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên sẽ diễn ra như sau:

**Bước 1:** Công ty phát hành quyền chọn cho nhân viên tại ngày phát hành (grant- date). Ngày phát hành là ngày mà công ty và nhân viên thuộc đối tượng được công ty phát hành cùng đồng ý những thỏa thuận liên quan tới giao dịch này (IFRS 02). Tại ngày phát hành nhân viên thường chưa nhận được quyền chọn mua cổ phần ngay. Họ chỉ nhận được quyền chọn sau khi đã hoàn thành một số điều kiện nhất định gọi là điều kiện trao quyền. ví dụ như nhân viên phải làm việc cho công ty trong 3 năm tiếp theo.

**Bước 2:** Công ty trao quyền chọn cho nhân viên khi kì chuyển quyền kết thúc. Tại ngày trao quyền (vesting date) nhân viên sẽ chính thức được trao quyền nếu hoàn thành các điều kiện trao quyền do công ty đưa ra.

**Bước 3:** Nhân viên lựa chọn thực hiện hay không thực hiện quyền chọn mua cổ phần trong kỳ thực hiện quyền (exercising period)

Sau ngày trao quyền, nhân viên có thể thực hiện quyền của mình để mua cổ phiếu trong khoảng thời gian giới hạn đã được xác định trước.

Thông thường trên thế giới, quyền chọn thường được phát hành kèm với một số điều kiện nhất định và kì chuyển quyền vì vậy mà thường tương đối dài (trên 1 năm). Tuy nhiên, ở Việt Nam, quyền chọn thường được phát hành cho nhân viên mà không đi kèm điều kiện, công ty phát hành đồng thời trao quyền chọn luôn cho nhân viên, do vậy thời gian từ lúc công ty ra thông báo phát hành quyền chọn tới lúc nhân viên thực hiện xong quyền chọn mua cổ phần thường ngắn (dưới 1 năm). Ví dụ như: năm 2017, 52 công ty niêm yết công bố và báo cáo hoàn thành xong việc phát hành cổ phần cho nhân



viên trong vòng 7 tháng (chiếm tỷ trọng 65% số công ty).

Một đặc điểm nữa của quyền chọn ở Việt Nam là giá phát hành thường bằng mệnh giá hoặc cao hơn mệnh giá nhưng thấp hơn giá trị thị trường rất nhiều. Như trong năm 2017, có 73 công ty niêm yết công bố và đã phát hành cổ phiếu cho nhân viên thì 23 công ty phát hành cổ phiếu thường (giá phát hành là 0 đồng), 35 công ty phát hành bằng mệnh giá (10.000 đồng), chỉ có 15 công ty phát hành cao hơn mệnh giá nhưng thấp hơn giá trị thị trường. Công ty phát hành quyền chọn với giá cao nhất trong 73 công ty này là TLG phát hành với giá 30.000 đồng/cổ phiếu, tuy nhiên giá thị trường của cổ phiếu này trong khoảng thời gian thực hiện quyền luôn trên 90.000 đồng/cổ phiếu.

#### **4. Sự cần thiết và các yếu tố thuận lợi cho việc thực hiện IFRS 02 tại Việt Nam**

Khi IFRS 02 chưa được ban hành, đang được đem ra để thảo luận, có rất nhiều ý kiến trái chiều không ủng hộ quan điểm của IFRS 02. Ví dụ như: Khi công ty phát hành cổ phiếu cho nhân viên thì

không bị mất tiền cũng như tài sản nào, do vậy công ty không nên ghi nhận chi phí khi phát hành. Nếu ghi nhận chi phí thù lao khi phát hành thì sẽ làm EPS của công ty giảm mạnh do lợi nhuận của doanh nghiệp giảm và số cổ phần hiện hành sẽ tăng lên. Hay như lo ngại rằng nếu doanh nghiệp bị yêu cầu ghi nhận chi phí khi phát hành thì sẽ làm các doanh nghiệp mất động lực, không thực hiện phát hành cổ phiếu cho đối tác nữa. Tuy nhiên, đáp lại những lập luận này, Ủy ban Chuẩn mực Kế toán Quốc tế đã phản bác lại như sau: Thứ nhất, giao dịch giữa doanh nghiệp và người lao động đã thực sự xảy ra, người lao động đã cung cấp dịch vụ cho công ty để đổi lại số cổ phần hoặc quyền chọn mua cổ phần của công ty. Thứ hai, đúng là EPS của công ty sẽ giảm nhưng điều này là phản ánh đúng bản chất của vấn đề. Cuối cùng, nếu doanh nghiệp vì bị yêu cầu phải ghi nhận chi phí mà không tiến hành các kế hoạch phát hành cổ phiếu cho nhân viên, chúng ta cũng thấy rằng yêu cầu ghi nhận của kế toán đã chỉ ra ảnh hưởng kinh tế của hoạt động này tới doanh nghiệp. Và do vậy, sau khi nhận được ý kiến phản hồi từ các nước G4+1, ngày 19/02/2004, IFRS 02

được ban hành. Cho tới nay IFRS 02 đã được đưa vào thực tế trên 10 năm.

Theo thống kê của IASB, hiện các chuẩn mực kế toán quốc tế đang được 97 quốc gia yêu cầu tất cả các doanh nghiệp áp dụng, 9 quốc gia yêu cầu 1 bộ phận doanh nghiệp phải áp dụng, 25 quốc gia cho phép doanh nghiệp áp dụng IFRS, chỉ 23 quốc gia không cho phép áp dụng IFRS và 21 quốc gia không có thị trường chứng khoán.

Như vậy, có thể thấy IFRS 02 đã được rất nhiều nước trên thế giới áp dụng từ lâu. Trong xu thế hội nhập kinh tế toàn cầu, để giúp thị trường chứng khoán thu hút được dòng vốn ngoại, các doanh nghiệp Việt Nam cũng nên lập BCTC theo IFRS 02 và các chuẩn mực kế toán quốc tế khác để tăng cường tính minh bạch, thống nhất giữa BCTC Việt Nam và quốc tế.

Khi áp dụng IFRS 02 chắc chắn doanh nghiệp sẽ gặp nhiều khó khăn, trong đó lo ngại lớn nhất liên quan tới việc định giá công cụ vốn. Vì IFRS 02 yêu cầu doanh nghiệp phải tính toán chi phí thù lao dựa trên giá trị hợp lý của quyền chọn tại ngày phát hành, điều này đòi hỏi doanh nghiệp phải sử dụng các mô hình định giá quyền chọn như: mô hình Black-scholes, phương pháp binominal hay phương pháp Monte-Carlo. Do trình độ hạn chế, kế toán viên không nắm rõ được những kỹ thuật phức tạp này. Hay doanh nghiệp lo ngại rằng việc định giá này dựa trên rất nhiều giả định phức tạp, mà nếu chỉ cần giả định sai, thì chi phí ghi nhận thay đổi là rất lớn... Tuy nhiên, với đặc điểm hoạt động phát hành cổ phiếu cho nhân viên ở Việt Nam như: Chỉ phát hành cổ phiếu thưởng và quyền chọn mua cổ phiếu, quyền chọn mua cổ phiếu thường được phát hành không kèm điều kiện, đời sống (thời gian từ lúc quyền chọn được phát hành tới khi quyền chọn được thực hiện) của quyền chọn ngắn, thì các rủi ro liên quan tới định giá quyền chọn cũng không nhiều, doanh nghiệp có thể dễ dàng định giá quyền chọn dễ dàng hơn. Do vậy, theo ý kiến của tác giả, việc áp dụng IFRS 02 để kế toán hoạt động phát hành cổ phiếu cho nhân viên là hoàn toàn có thể.

## 5. Kết luận

Bài nghiên cứu đã chỉ ra những quy định của chuẩn mực kế toán quốc tế IFRS 02 “Giao dịch thanh toán dựa trên cổ phiếu” trong kế toán giao dịch phát hành cổ phiếu cho nhân viên và thực trạng kế toán phát hành cổ phiếu cho nhân viên tại Việt Nam. Bên cạnh đó, bằng việc phân tích những đặc điểm của giao dịch phát hành cổ phiếu cho nhân viên tại Việt Nam như: chỉ phát hành cổ phiếu thưởng và quyền chọn mua cổ phiếu, quyền chọn mua cổ phiếu thường được phát hành không kèm điều kiện, đời sống của quyền chọn ngắn, bài viết đã khẳng định việc áp dụng IFRS 02 để kế toán hoạt động phát hành cổ phiếu cho nhân viên tại Việt Nam là hoàn toàn có thể và nên được tiến hành sớm.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *International Accounting Standards Boards (IASB), IFRS 02 “Share based payment”;*
2. Bộ Tài chính, Thông tư 162/2015/TT-BTC hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu;
3. Ngô Thị Mỹ Duyên, “Vận dụng IFRS 02 trong kế toán quyền chọn mua cổ phiếu dành cho nhân viên tại các công ty cổ phần niêm yết Việt Nam”, Luận văn Thạc sĩ kinh tế, Đại học Kinh tế tp. Hồ Chí Minh, 2014;
4. Website: <https://www.iasplus.com/en-us/standards/ifrs-usgaap/esop>;
5. Website: <http://www.accaglobal.com/vn/en/student/exam-support-resources/professional-exams-study-resources/p2/technical-articles/ifrs2.html>.

Ngày nhận bài lần 1: 16/4/2018

Ngày duyệt đăng: 1/5/2018